TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày 28-3-2023
V/v Tranh chấp về chia tài sản chung và thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Khuyên

Ông Nguyễn Anh Tiến

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Bà Diệp Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cụ Hà Thị Đ, sinh năm 1938; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Hà Thị Đ: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/10/2022) (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Hà Thị Đ: Bà Trần Thị N – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956; trú tại: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1958; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, sinh năm 1958 (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1963; trú tại: Thôn R, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; trú tại: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1990; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1983; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Cụ và cụ Nguyễn Văn P (chết ngày 29/10/2015) kết hôn với nhau từ năm 1982, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Trong quá trình chung sống, cụ và cụ P không có người con chung nào và không có con nuôi nào khác.

Tuy nhiên trước khi lấy cụ thì cụ P có vợ là cụ H, sau khi cụ H chết thì cụ P mới kết hôn với cụ, cụ P và cụ H có 08 người là: Bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C (đã chết khi mới 12 tuổi, không có vợ con), bà Nguyễn Thị V (đã chết năm 1985) bà V có chồng là ông Th, bà V và ông Th có 01 con là cháu Th, bà Nguyễn Thị Th (đã chết năm 2001) có chồng là ông Nguyễn Văn Ph, bà Th và ông Ph có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân Tr.

Trước khi lấy cụ P, cụ khai hoang và tạo lập được 01 thửa đất, hiện là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25, diện tích 228m^2 tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian. Sau khi lấy cụ P, cụ không về nhà cụ P sinh sống mà vẫn sống tại thửa đất này từ đó đến nay. Cụ P cũng không ở cùng cụ trên thửa đất này mà ở thửa đất khác của cụ P có được trước khi lấy cụ, cụ P chỉ thỉnh thoảng đoảng qua nhà cụ.

Nên năm 1996, có chủ trương làm bìa đỏ cụ đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên cụ thể như sau: thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25, diện tích 228m^2 trong đó đất ở: 200m^2; đất vườn: 28m^2 (theo bản đồ 299) tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, được ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00035 – QSDĐ ngày 30/6/1996, đứng tên bà Hà Thị Đ, cụ xác định đây là tài sản chung của cụ và cụ P.

Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian do cụ xây dựng từ lâu. Hiện toàn bộ đất và nhà này do cụ đang quản lý sử dụng. Ngoài phần tài sản trên, cụ P chết có để lại nhiều tài sản khác ở nơi khác, tuy nhiên cụ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi cụ Nguyễn Văn P chết không để lại di chúc, do cụ P chết không để lại di chúc nên cụ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Thửa đất nêu trên được hình thành trước khi cụ lấy cụ P, cụ P không có nhiều công sức đóng góp vào tài sản này nên cụ đề nghị Tòa án xác định 2/3 quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25, diện tích 228m^2 trong đó đất ở: 200m^2; đất vườn: 28m^2 tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc là của cụ. Chia thừa kế

theo pháp luật đối với 1/3 quyền sử dụng đất còn lại trong tổng diện tích 228m^2 thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25 của cụ P để lại cho các đồng thừa kế của cụ P nhưng trước khi chia đề nghị tính công sức trông nom, quản lý tài sản trên, chia mỗi đồng thừa kế được nhận kỷ phần thừa kế bằng nhau. Do các con cụ P đã có nhà ở ổn định và phần diện tích đất chia ra cho mỗi đồng thừa kế của cụ P nhỏ nên cụ đề nghị được nhận toàn bộ diện tích đất, cụ có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: Bố mẹ bà là ông Nguyễn Văn P (chết năm 2015) và bà Lê Thị H (chết năm 1981), bố mẹ bà có 08 người cón gồm: Bà, bà Nguyễn Thị Th , bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C (đã chết khi mới 12 tuổi, không có vợ con), bà Nguyễn Thị V (đã chết 1985) bà V có chồng là ông Nguyễn Văn Th, bà V và ông Th có 01 con là cháu Nguyễn Văn Th; bà Nguyễn Thị Th (chết năm 2001) có chồng là ông Nguyễn Văn Ph có 01 con là Nguyễn Xuân Tr.

Sau khi cụ H chết, cụ Nguyễn Văn P kết hôn với cụ Đ khoảng năm 1982. Trong quá trình chung sống cụ Đ và cụ P không có người con chung nào và cũng không có con nuôi nào khác.

Trước khi lấy cụ P, cụ Đ có 01 thửa đất, hiện là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25, diện tích 228m^2 tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc trên đất có 01 nhà 3 gian. Sau khi lấy cụ P, cụ Đ không về nhà cụ P sinh sống mà vẫn sống tại thửa đất trên từ đó đến nay. Cụ P cũng không ở cùng cụ Đ trên thửa đất này mà ở thửa đất khác của cụ P trước khi lấy cụ, cụ P chỉ thỉnh thoảng đoảng qua nhà cụ Đ.

Hiện toàn bộ đất và nhà trên do cụ Đ đang quản lý sử dụng. Nay cụ Đ đề nghị chia di sản thừa kế của cụ P là thửa đất số 22 tờ bản đồ 25 tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc bà cũng đồng ý chia, nếu bà được hưởng di sản thừa kế của cụ P thì bà đề nghị thanh toán bằng giá trị cho bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn Th trình bày: Cụ Nguyễn Văn P (chết năm 2015) và cụ Lê Thị H (chết năm 1981), các cụ có 08 người cón gồm: Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn C (đã chết khi mới 12 tuổi, không có vợ con), mẹ anh là Nguyễn Thị V (đã chết 1985) mẹ anh có chồng là Nguyễn Văn Th, bố mẹ anh có 01 con chung là anh; bà Nguyễn Thị Th (chết năm 2001) có chồng là Nguyễn Văn Ph có 01 con Nguyễn Xuân Tr.

Sau khi cụ H chết, cụ Nguyễn Văn P kết hôn với cụ Đ khoảng năm 1982. Trong quá trình chung sống cụ Đ và cụ P không có người con chung nào và cũng không có con nuôi nào khác.

Về nguồn gốc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25, diện tích 228m2 tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc trên đất có 01 nhà 3 gian anh không nắm được vì anh là con cháu.

Hiện toàn bộ đất và nhà trên do cụ Đ đang quản lý sử dụng. Nay cụ Đ đề nghị chia di sản thừa kế của cụ P là thửa đất số 22 tờ bản đồ 25 tại thôn Đ, xã T,

huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc anh đồng ý chia, nếu anh được hưởng di sản thừa kế của cụ P thì anh đề nghị thanh toán bằng giá trị cho anh.

Bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H trình bày: Có lời trình bày và quan điểm chia di sản thừa kế của cụ P như của bà Nguyễn Thị V.

Ông Nguyễn Văn H trình bày: Có lời trình bày như của bà Nguyễn Thị V. Nay cụ Đ đề nghị chia di sản thừa kế của cụ P là thửa đất số 22 tờ bản đồ 25 tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc ông cũng đồng ý chia, nếu ông được hưởng di sản thừa kế của cụ P thì ông sẽ giữ lại.

Anh Nguyễn Xuân Tr trình bày: Có lời trình bày và quan điểm chia di sản thừa kế của cụ P như của anh Nguyễn Văn Th.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án dân sự về việc tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thu lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên toà đến trước khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của cụ Hà Thị Đ. Xác định thửa đất 22 tờ bản đồ 25 tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc là tài sản chung của cụ Đ và cụ P, chia cho cụ Đ 136,8m^2 tại thửa số 22 tờ bản đồ 25, còn lại 90m^2 là di sản thừa kế của của Phùng để lại. Tuy nhiên, trước khi chia di sản của cụ P, đề nghị trích ra 10m^2 đất cho cụ Đ vì cụ Đ đã trông nom và quản lý tài sản trên, còn lại 80m^2 đất chia cho các đồng thừa kế của cụ P. Do diện tích đất chia thừa kế cho các đồng thừa kế là nhỏ nên đề nghị giao toàn bộ thửa đất số 22 tờ bản đồ 25 cho cụ Đ quản lý, sử dụng và cụ Đ phải thanh toán giá trị tương ứng cho các đồng thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn là cụ Hà Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của cụ Đ, cụ P và chia di sản thừa kế của cụ P để lại đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị V. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Nguyễn Thị V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Xuân Tr, anh Nguyễn Văn Th có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét

xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Nguyên đơn đề nghị xác nhận 2/3 quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25, diện tích 228m^2 tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc là của nguyên đơn và đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn P đối với 1/3 quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25, diện tích 228m^2 cho các đồng thừa kế.

[3.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận rằng: Vợ chồng cụ Nguyễn Văn P (chết năm 2015) và bà Lê Thị H (chết năm 1981) có 08 người con gồm: Bà Nguyễn Thị V; bà Nguyễn Thị Th; bà Nguyễn Thị Y; ông Nguyễn Văn H; bà Nguyễn Thị H; ông Nguyễn Văn C (đã chết khi mới 12 tuổi, không có vợ con); bà Nguyễn Thị V (đã chết 1985) có chồng là ông Nguyễn Văn Th và có 01 con là anh Nguyễn Văn Th; bà Nguyễn Thị Th (chết năm 2001) có chồng là Nguyễn Văn Ph có 01 con là anh Nguyễn Xuân Tr. Sau khi cụ H chết, khoảng năm 1982, cụ Nguyễn Văn P kết hôn với cụ Hà Thị Đ. Trong quá trình chung sống cụ Đ và cụ P không có người con chung nào và cũng không có con nuôi nào khác.

Trước khi lấy cụ P, cụ Đ có 01 thửa đất, hiện là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25 tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc trên đất có 01 nhà 3 gian và một số công trình. Sau khi lấy cụ P, cụ Đ không về nhà cụ P sinh sống mà vẫn sống tại thửa đất trên từ đó đến nay. Cụ P cũng không ở cùng cụ Đ trên thửa đất này mà ở thửa đất khác của cụ P trước khi lấy cụ Đ, cụ P chỉ thỉnh thoảng đoảng qua nhà cụ Đ. Đến ngày 30/6/1996, Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Hà Thị Đ đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25, diện tích 228m^2 tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, nay các đương sự đều xác định đây là tài sản chung của cụ P và cụ Đ.

[3.2]. Cụ P chết ngày 29/10/2015 không để lại di chúc, ngày 01/10/2022, cụ Hà Thị Đ có đơn khởi kiện chia tài sản chung và chia di sản thừa kế, theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ P vẫn còn.

[3.3]. Về di sản: Khi còn sống cụ P và cụ Đ có khối tài sản là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25. Ngày 30/6/1996, Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Hà Thị Đ thửa 22, tờ bản đồ số 25, diện tích 228m^2. Khi Tòa án tiến hành thẩm định tài sản thì diện tích thực tế của thửa 22, tờ bản đồ số 25 là 218,6m^2 giảm 9,4m^2. Qua xác minh tại địa phương thì phần diện tích giảm trên là do sai số do đo đạc trước đây, thửa đất này được sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề nên khi chia sẽ chia theo số liệu thực tế đã đo đạc.

Theo quy định tại Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình khi một bên chết thì tài sản chung của vợ chồng sẽ được chia đôi, phần của người chết sẽ được chia thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, do nguồn gốc thửa đất số 22 tờ bản đồ 25 là của cụ Đ có trước khi lấy cụ P nên khi chia tài sản chung của cụ Đ và cụ P cần xem xét đến nguồn gốc của thửa đất này nên cần chia cho cụ Đ được 138,6m^2, cụ P được 90m^2. Như vậy di sản của cụ P để chia cho các thừa kế là 90m^2 đất.

Cụ P có 08 người con, trong đó ông Nguyễn Văn C chết khi còn nhỏ, không có vợ con nên 07 người con còn lại và cụ Đ là những người được hưởng di sản thừa kế của hai cụ, do bà Nguyễn Thị V chết năm 1985 và bà Nguyễn Thị Th chết năm 2001 đều chết trước cụ P nên con của bà V là anh Nguyễn Văn Th và con của bà Th là anh Nguyễn Xuân Tr là hàng thừa kế thế vị sẽ được hưởng di sản đối với phần khi còn sống bà V, bà Th được hưởng.

Sau khi cụ P chết thì cụ Đ là người trông nom, quản lý thửa đất số 22 tờ bản đồ 25 nên trước khi chia thừa kế sẽ trích ra $10m^2$ cho cụ Đ trong phần di sản của cụ P để lại.

Như vậy, di sản để chia cho các thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích là $80m^2$, di sản này chia làm 8 phần, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Xuân Tr, cụ Hà Thị Đ mỗi người được một phần là $80/8 = 10m^2$ trị giá là: 10 x 3.000.000đ = 30.000.000đ.

Phần di sản ông Nguyễn Văn H đề nghị được nhận bằng hiện vật, tuy nhiên diện tích đất ông Hùng được chia là $10m^2$ là nhỏ không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Xuân Tr được hưởng di sản đều đề nghị được chia bằng giá trị. Cụ Đ đề nghị được nhận bằng hiện vật và sẽ thanh toán cho những người khác tương ứng với phần họ được hưởng.

Căn cứ vào nhu cầu và hiện trạng thực tế thì chia toàn bộ thửa đất số 22 tờ bản đồ 25 diện tích thực tế là $218,6m^2$ cho cụ Đ quản lý, sử dụng. Cụ Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Xuân Tr mỗi người 30.000.000đ.

[4]. Ngoài ra hiện nay trên đất còn một số công trình, tài sản và cây cối lâm lộc, các đương sự xác định là tài sản của cụ Đ có trước khi kết hôn với cụ P và được cụ Đ sửa chữa, xây dựng sau khi cụ P chết. Hơn nữa thửa đất 22 tờ bản đồ 25 chia cho cụ Đ nên việc sử dụng các tài sản trên đất của cụ Đ không bị ảnh hưởng.

[5]. Chi phí thẩm định, định giá tài sản là 6.800.000đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ và không đề nghị các thừa kế khác phải thanh toán nên cần chấp nhận.

[6]. Về án phí: Cụ Đ, bà Vượng, bà Y là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Th, ông H, bà H, anh Tr, anh Th mỗi người phải chịu 30.000.000đ x 5% = 1.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 633, 634, 635, 638, 640, 674, 675, 676, 677, 683, 685 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 616, 618,

623, 357 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 33, 66 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Hà Thị Đ về việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế.

Chia cho cụ Hà Thị Đ thửa đất số 22 tờ bản đồ 25 diện tích 218,6m^2 (trong đó có 200m^2 đất thổ cư, 18,6m^2 đất trồng cây lâu năm) là hình 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13 và tài sản, cây cối lâm lộc trên đất.

(Thửa đất có sơ đồ kèm theo).

- Cụ Hà Thị Đ phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Xuân Tr mỗi người 30.000.000đồng là giá trị tài sản được chia.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Cụ Hà Thị Đ tự nguyện chịu toàn bộ 6.800.000đồng, xác nhận cụ Đ đã nộp đủ.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Xuân Tr mỗi người phải chịu 1.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kết từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa